TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **209/2020**/HNGĐ-QĐST	*Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 400/2020/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Trung T**, sinh năm 1949.
HKTT: Số 14/22/79/143 phường T, quận H, Hà Nội.
Chỗ ở: Số 20 ngõ 419A, phường L, quận H, Hà Nội.
- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1952.
HKTT và chỗ ở: P1108, nhà G5 khu đô thị Phường Đ, quận H, Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 2 của Luật Người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ vào điểm f khoản 1 điều 11; điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Trung T và bà Nguyễn Thị

B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Lê Trung T và bà Nguyễn Thị B xác nhận có 02 con chung là Lê Mạnh Toàn, sinh ngày 23/01/1984 và Lê Hải Ninh, sinh ngày 19/5/1986. Cả hai con đã trưởng thành và có gia đình riêng, ly hôn ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết, Tòa không xét.

2.2. Về tài sản chung: Ông Lê Trung T và bà Nguyễn Thị B xác nhận tự thỏa thuận, ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa không xét.

2.3. Về nợ chung: Ông Lê Trung T và bà Nguyễn Thị B xác nhận ông bà không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa không xét.

2.4. Về án phí: Ông Lê Trung T và bà Nguyễn Thị B không phải chịu án án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại ông Lê Trung T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp tại biên lai số AA/2018/0005584 ngày 18/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường T, quận H, Hà Nội; (để ghi vào sổ hộ tịch: GCNKH số 31, quyển số 01 ngày 09/3/1982)
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Phương